TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ T** **TỈNH L**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Bản án số: **38**/2023/HNGĐ-ST
Ngày 30-6-2023
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T, TỈNH L

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Tố Loan

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trịnh Thị Lệ Hoa.

2. Ông Phạm Văn Hải.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn Hà - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố T.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh L *tham gia phiên toà:* Ông Nguyễn Văn Vũ - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh L xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 32/2023/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 02 năm 2023 về việc *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Đỗ Thị H X; sinh năm 1985.

Địa chỉ: ấp 4, xã P, huyện T, tỉnh L

2. Bị đơn: Ông Trương Quốc T A, sinh năm 1983.

Địa chỉ: số 436 ấp 4, xã H, thành phố T, tỉnh L.

(Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt không lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 14 tháng 11 năm 2022 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn Bà Đỗ Thị H X trình bày:

Bà và Ông Trương Quốc T A tự nguyện tìm hiểu và đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại UBND phường 7, thành phố T, tỉnh L theo Giấy chứng nhận kết hôn số 38/2013 quyển số 01/2012 ngày 08/10/2013. Vợ chồng chung

sống được 07 năm thì xảy ra mâu thuẫn, gây gỗ ngày càng nhiều nguyên nhân do ông T A thường xuyên cờ bạc, không chăm lo cho vợ con, vợ chồng tính tình không hòa hợp nên thường xảy ra gây gỗ, cãi vã, không có tiếng nói chung, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng không thể nào hàn gắn được. Ông T A đã bỏ nhà đi từ hơn 03 năm nay. Vợ chồng đã ly thân từ đầu năm 2021 đến nay. Nay bà thấy tình cảm không còn nên yêu cầu xin ly hôn với ông T A.

Về con chung: có 02 con chung tên Trương Quốc A T, sinh ngày 17/02/2014 và Trương Quốc Xuân Trí, sinh ngày 27/6/2017. Khi ly hôn bà yêu cầu được trực tiếp nuôi 02 con chung chưa thành niên, yêu cầu ông T A cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đồng đối với mỗi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: bà Xác định bà và ông T A tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà Đỗ Thị H X có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Bà Xác định vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn Ông Trương Quốc T A đã được Tòa án thực hiện việc niêm yết, tống đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông T A không đến tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, phiên hòa giải do Tòa án tổ chức, không có văn bản thể hiện ý kiến của ông đối với yêu cầu ly hôn, nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con của bà X. Phiên tòa hôm nay, ông T A cũng vắng mặt dù đã được tống đạt giấy báo hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Về ý kiến của Viện kiểm sát:

Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý đến phiên tòa xét xử vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật. Người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng các quy định về quyền và nghĩa vụ của đương sự theo Bộ luật Tố tụng dân sự. Ông Trương Quốc T A đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn không đến tham gia phiên tòa. Bà Đỗ Thị H X có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử đã xét xử vắng mặt đối với bà X và ông T A là đúng quy định.

Về nội dung vụ án: Quan hệ hôn nhân giữa Bà Đỗ Thị H X và ông Trương Quốc T A là quan hệ hôn nhân hợp pháp, do bà X và ông T A có mâu thuẫn không thể hàn gắn được, bà X có yêu cầu ly hôn, yêu cầu được trực tiếp nuôi 02 con chung và yêu cầu ông T A cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000đ đối với mỗi con chung. Theo kết quả xác minh của công an xã Hướng Thọ Phú, thành phố T, tỉnh L thì hiện ông T A vẫn còn đang sinh sống tại địa chỉ số 436 ấp 4, xã Hướng Thọ Phú, thành phố T, tỉnh L. Như vậy cho thấy ông T A vẫn biết việc ly hôn với bà X nhưng không có thiện chí hòa giải, hàn gắn để về chung sống với bà X, không có ý kiến, nguyện vọng về việc nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con. Ông T A là người có việc làm, có thu nhập ổn định nên phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Vì vậy, xét thấy yêu cầu khởi kiện của bà X là có cơ sở.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56, 81, 110 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà X, giao con chung tên chưa thành niên Trương Quốc A T, sinh ngày 17/02/2014 và Trương Quốc Xuân Trí, sinh ngày 27/6/2017 cho bà X trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc, ông T A có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đến khi con chung đủ 18 tuổi, mức cấp dưỡng nuôi con do Tòa án quyết định. Bà X và ông T A phải chịu án phí theo qui định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Đỗ Thị H X nộp đơn khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với ông Trương Quốc T A có địa chỉ cư trú ở thành phố T, tỉnh L nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh L.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thực hiện việc niêm yết, tống đạt Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập ông T A đến các phiên tòa sơ thẩm nhưng ông T A không chấp hành nên Tòa án xét xử vắng mặt đối với ông T A là đúng theo quy định tại Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bà X có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, xác định vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện nên Hội đồng xét xử đã xét xử vắng mặt tất cả các được sự theo quy định tại Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Đỗ Thị H X và ông Trương Quốc T A tự nguyện tìm hiểu và kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND Phường 7, thành phố T, tỉnh L nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Tòa án cũng đã có xác minh về quan hệ tranh chấp dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng của bà X và ông T A tại UBND xã H, thành phố T, tỉnh L nơi bà X và ông T A sinh sống sau khi kết hôn theo quy định tại Điều 208 Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng địa phương không nắm rõ nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn vợ chồng giữa bà Đỗ Thị H X và ông Trương Quốc T A. Bà X xác định vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do ông T A thường xuyên cờ bạc, không chăm lo cho vợ con, tính tình không hòa hợp hay xảy ra gây gỗ, cãi vả. Vợ chồng đã ly thân từ đầu năm 2021 đến nay. Xét thấy, cuộc sống vợ chồng giữa bà X và ông T A không có tiếng nói chung, không có sự thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau. Ông T A được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần, được tống đạt hợp lệ, các văn bản tố tụng của Tòa án cho thấy ông T A đã biết được việc bà X yêu cầu ly hôn với ông nhưng ông không có văn bản thể hiện ý kiến là muốn được đoàn tụ hoặc đưa ra những biện pháp cụ thể để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Như vậy, chứng tỏ rằng trong cuộc sống vợ chồng giữa bà X và ông T A đã có những mâu thuẫn không giải quyết được. Xét thấy, cuộc sống hôn nhân của bà X và ông T A đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Đồng thời, bản thân bà X xác định đã không còn tình cảm với ông T A nên yêu cầu được chấm dứt hôn nhân. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu ly hôn của

bà X là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về con chung: bà X và ông T A có 02 con chung tên Trương Quốc A T, sinh ngày 17/02/2014 và Trương Quốc Xuân Trí, sinh ngày 27/6/2017. Bà X có yêu cầu được trực tiếp nuôi 02 con chung khi ly hôn. Xét thấy, con chung đang sống chung với bà X, trong quá trình giải quyết vụ án ông T A không có ý kiến gì về nguyện vọng được nuôi con chung. Vì vậy, để đảm bảo cuộc sống ổn định cho con chung chưa thành niên, Hội đồng xét xử quyết định giao 02 con chung cho bà X trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình và phù hợp với nguyện vọng của con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con: bà X có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng đối với mỗi con chung, xét thấy mức yêu cầu cầu cấp dưỡng nuôi con của bà X là hợp lý, phù hợp với khả năng thực tế của người có nghĩa vụ và nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng, ông T A không có văn bản trình bày ý kiến về mức cấp dưỡng nuôi con. Theo trình bày của bà X, ông T A là tài xế, hiện có việc làm, có thu nhập ổn định nên yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con của bà X là có căn cứ chấp nhận theo qui định tại Điều 110, 116 Luật hôn nhân và gia đình.

Về tài sản chung và nợ chung: bà X không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật và quan điểm giải quyết vụ án là có căn cứ.

[4] Về án phí: bà X phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật là 300.000đồng. Ông T A phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84, Điều 110, Điều 116; Điều 117 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

[1] Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Đỗ Thị H X và ông Trương Quốc T A.

[2] Về nuôi con chung:

2.1. Giao 02 con chung tên Trương Quốc A T, sinh ngày 17/02/2014 và Trương Quốc Xuân Trí, sinh ngày 27/6/2017 cho bà Đỗ Thị H X trực tiếp nuôi dưỡng.

2.2. Ông Trương Quốc T A có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000đ *(Một triệu đồng)* đối với mỗi con chung, thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 7 năm 2023 đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về nghĩa vụ chậm cấp dưỡng: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, trong trường hợp người phải thi hành án chậm thi hành án thì người phải thi hành án còn phải chịu số tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả; lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được thực hiện theo qui định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Người không trực tiếp nuôi con được quyền tới lui thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Người trực tiếp nuôi con được quyền yêu cầu hạn chế quyền thăm nom nếu người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom làm ảnh hưởng xấu đến việc chăm sóc giáo dục con chung. Vì quyền lợi của con chung, các bên hoặc một bên có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con chung cũng như mức cấp dưỡng nuôi con chung.

[3] Về án phí*:* Bà Đỗ Thị H X phải chịu 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí bà X đã nộp theo biên lai thu số 0002089 ngày 20/02/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố T. Ông Trương Quốc T A phải chịu 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí cấp dưỡng nuôi con.

[4] Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

[5] Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh L;
- VKSND TP. T;
- Chi cục THA TP. T;
- UBND xã (phường) nơi ĐKKH;
- Các đương sự
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Tố Loan